CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cao su Sao vàng

Ngày 30/06/2025	26,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.6%	**5.4%**	**4.2%**

DT thuần
Q2/25
376
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 115| 43.9%
YoY: ▲ 48.0| 14.5%

LN thuần
Q2/25
10.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.70| 130%
YoY: ▼5.70| -36.1%

LN sau thuế
Q2/25
8.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.38| 200%
YoY: ▼106| -92.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.1%
YoY: +/-▲ 0.5%

ROE (TTM)
Q2/25
3.4%
YoY: +/-▼ 20.9%

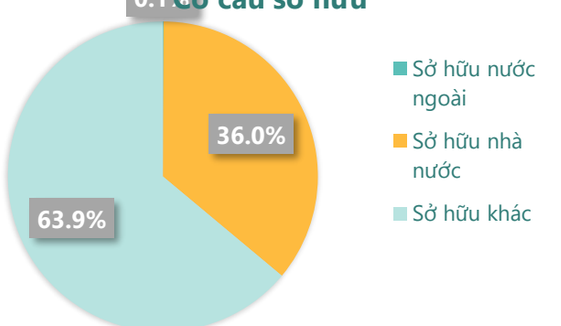
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	22,799 - 39,236
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	730
Số lượng CPLH (CP)	28,063,368
KLGD BQ 20 phiên (CP)	585
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.16
EPS	664
P/E	39.2

DT thuần
6T 2025
637
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 134| 26.5%

LN thuần
6T 2025
14.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.50| -27.4%

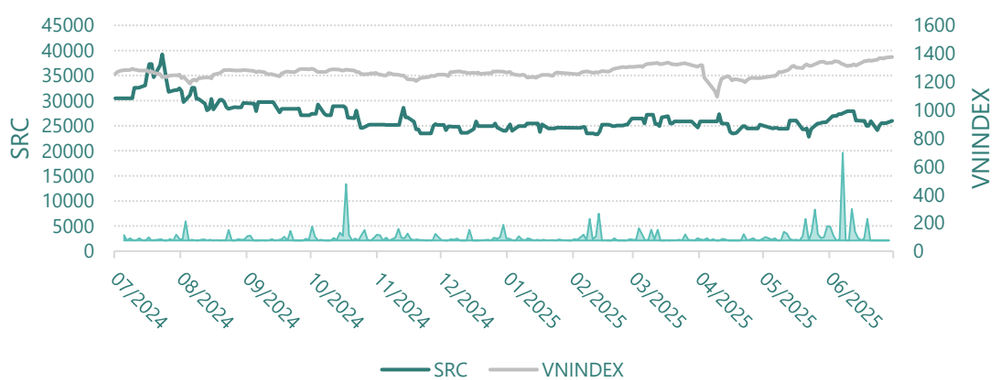
LN sau thuế
6T 2025
10.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼106| -90.8%

Cơ cấu sở hữu

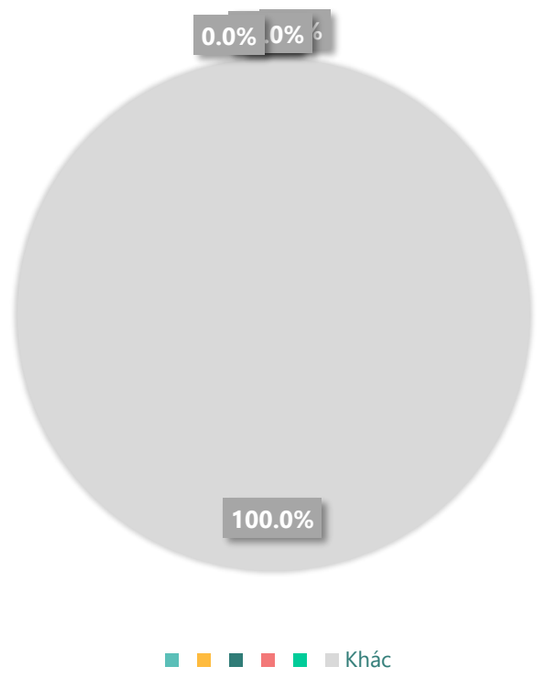


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

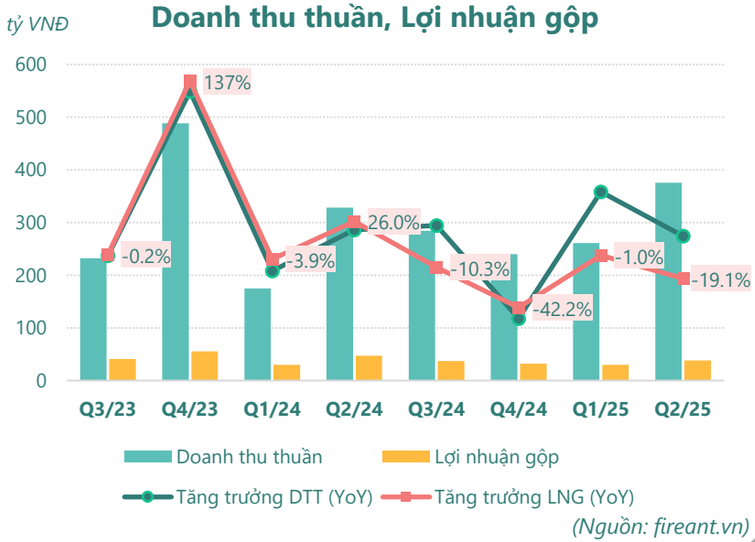


Cơ cấu cổ đông

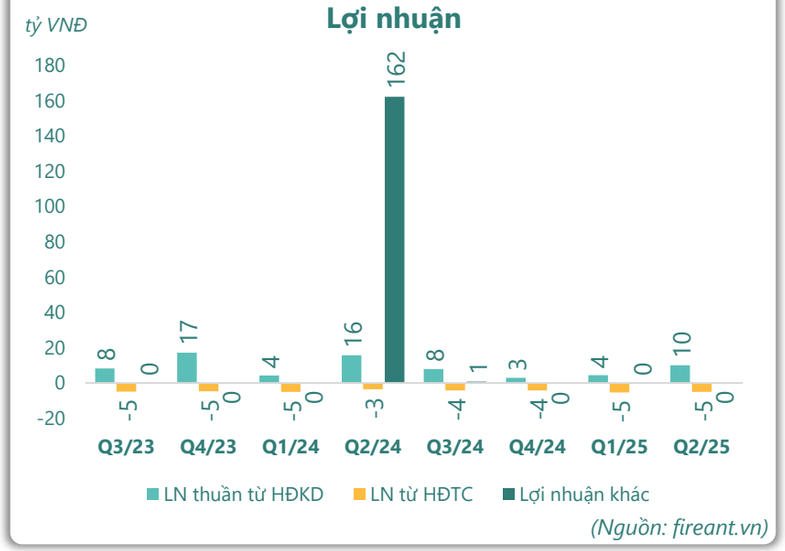


(Nguồn: fireant.vn)

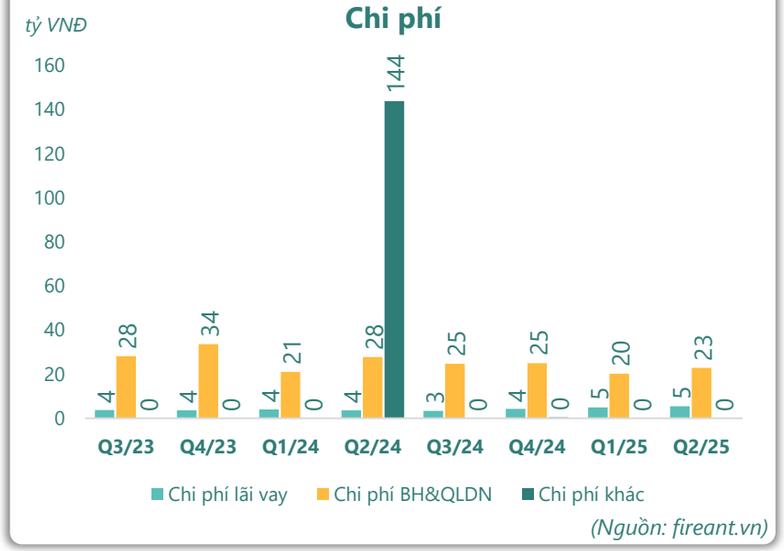
KẾT QUẢ KINH DOANH



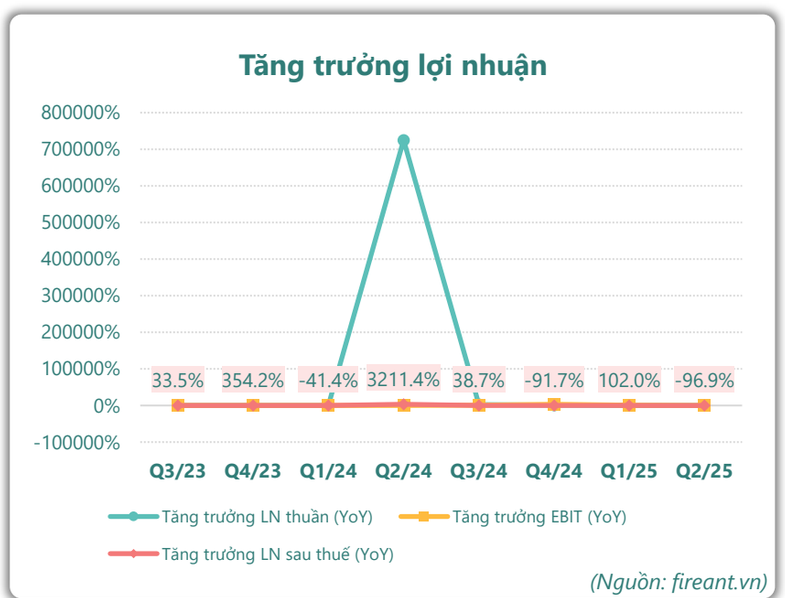
(Nguồn: fireant.vn)



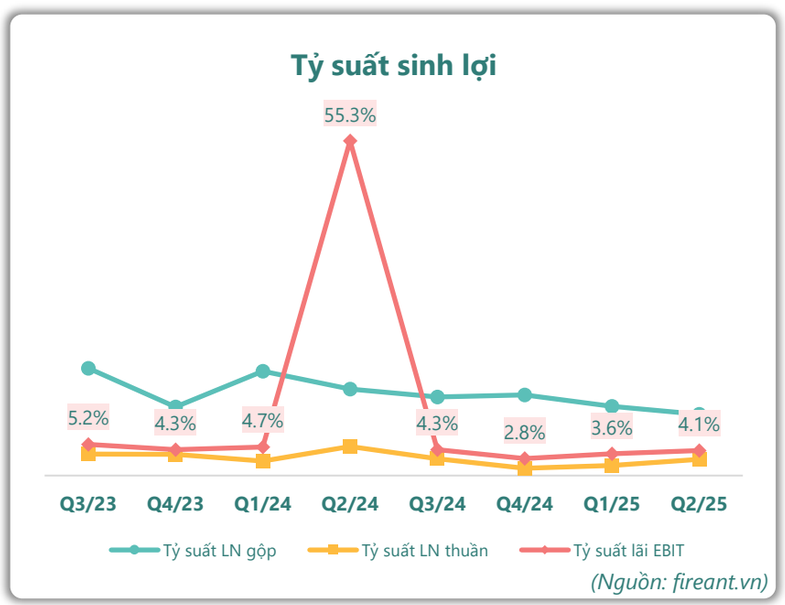
(Nguồn: fireant.vn)



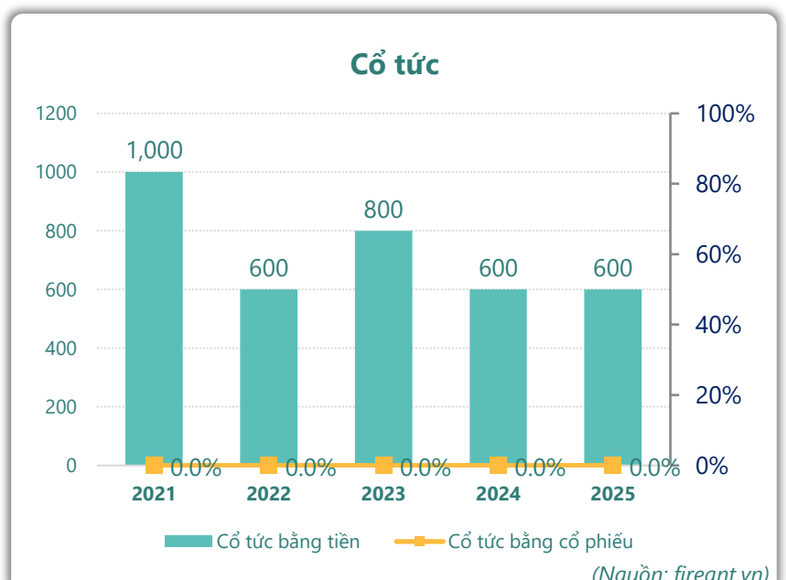
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



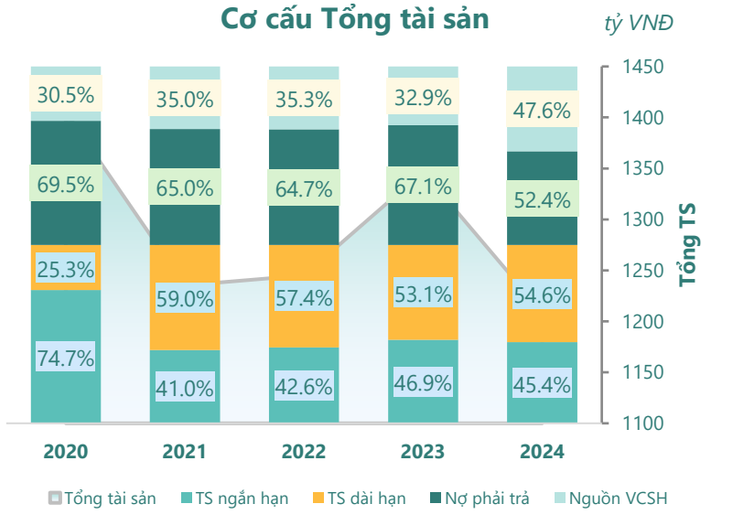
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

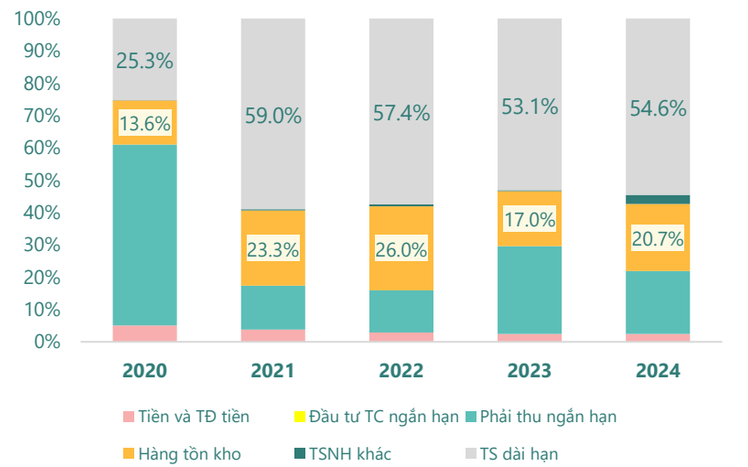
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



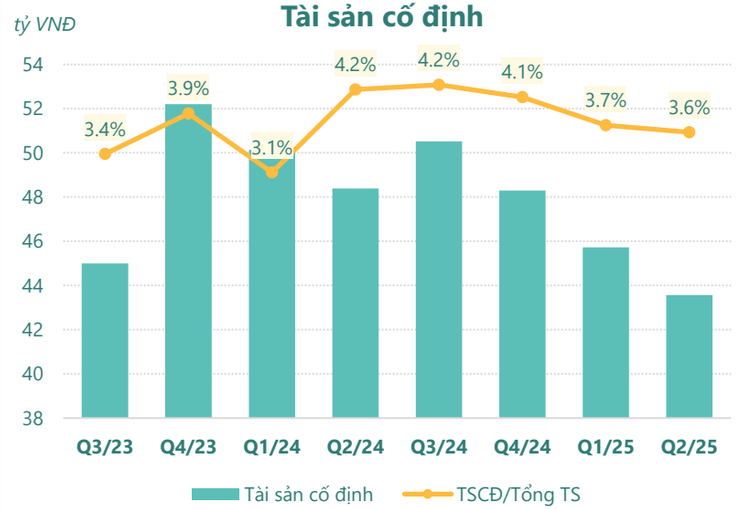
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



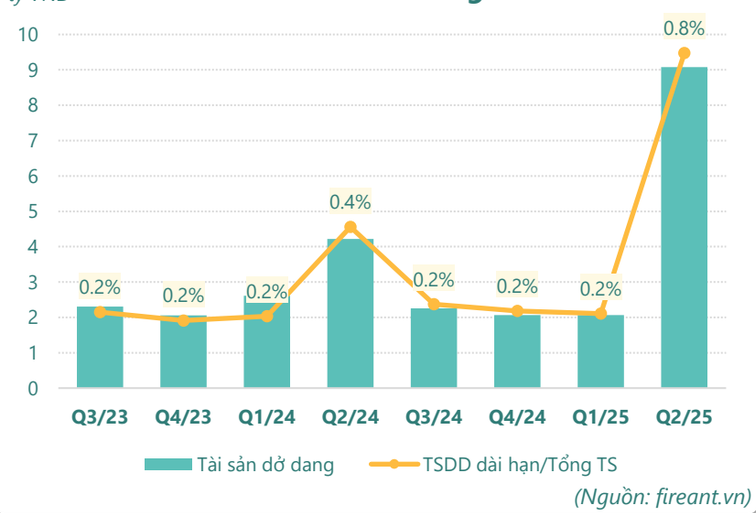
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



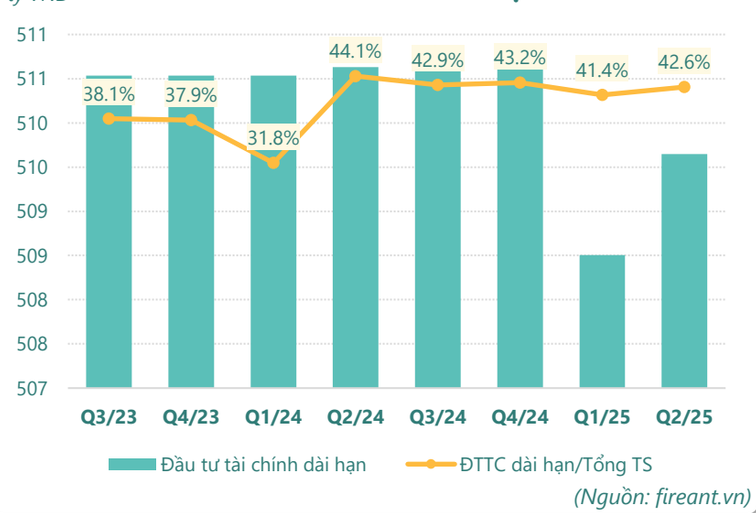
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



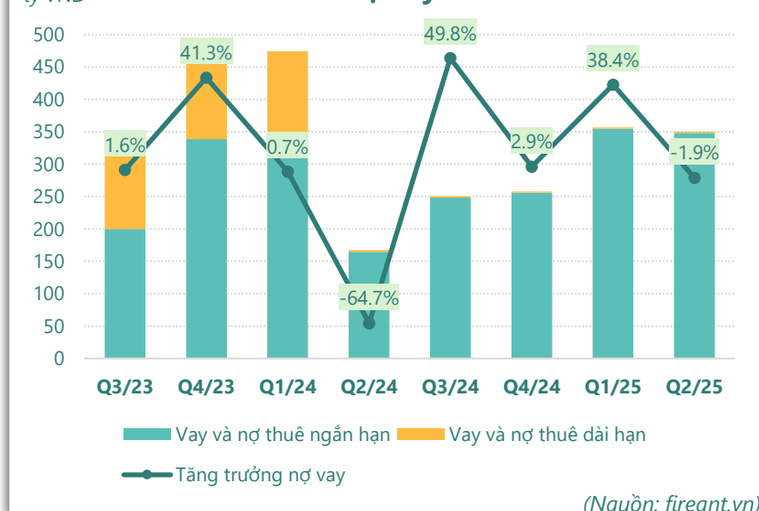
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

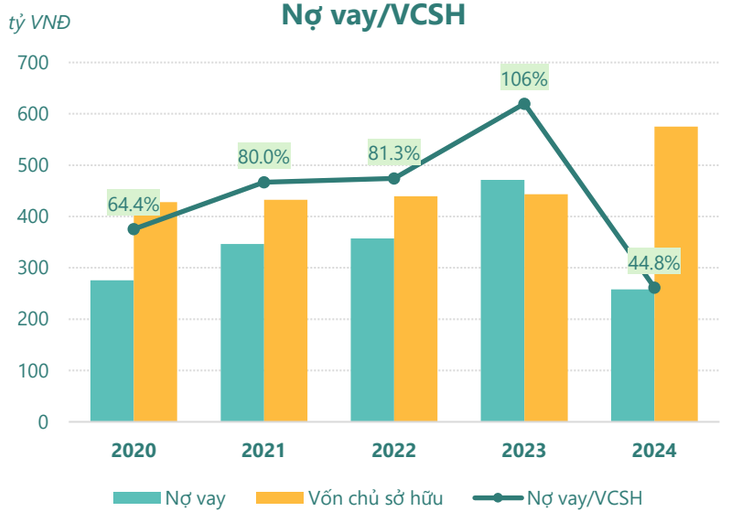
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

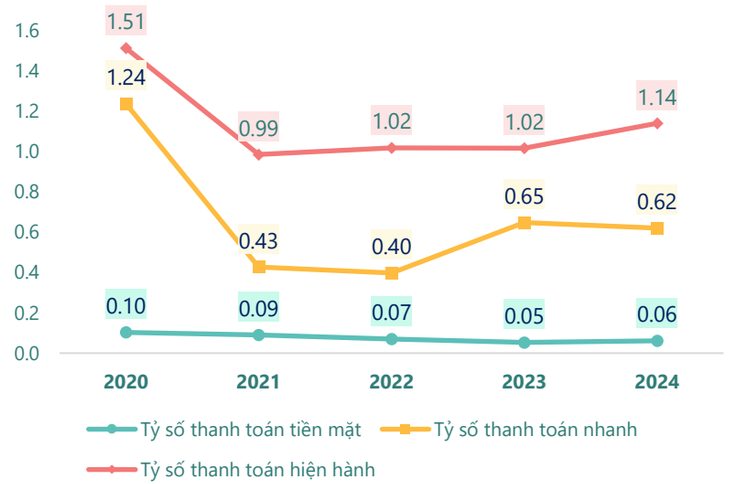
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



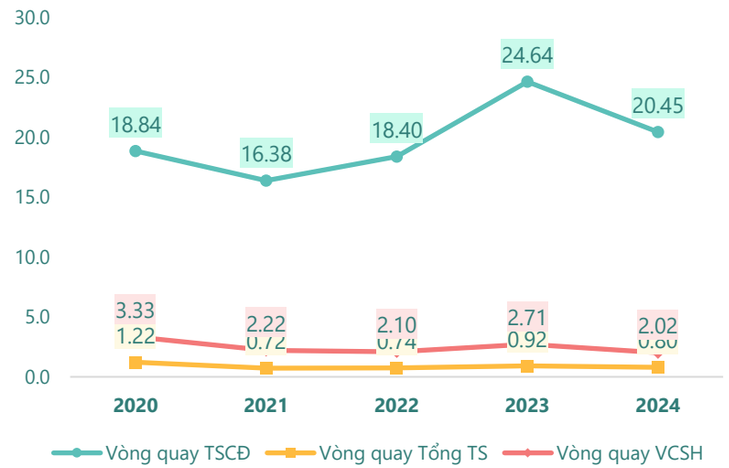
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



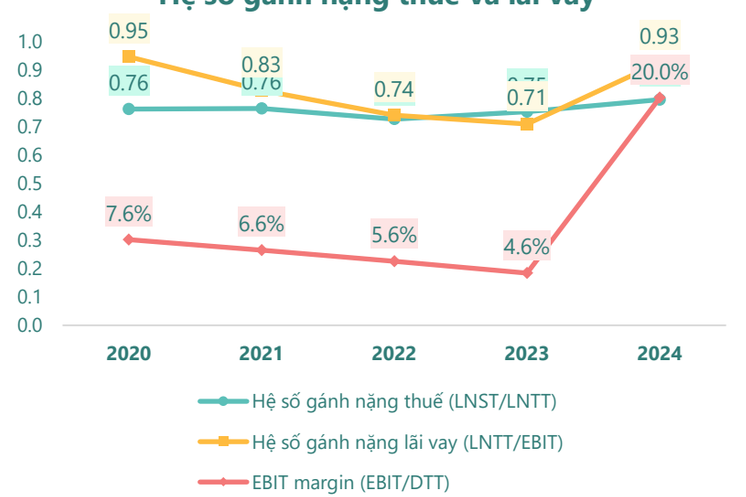
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



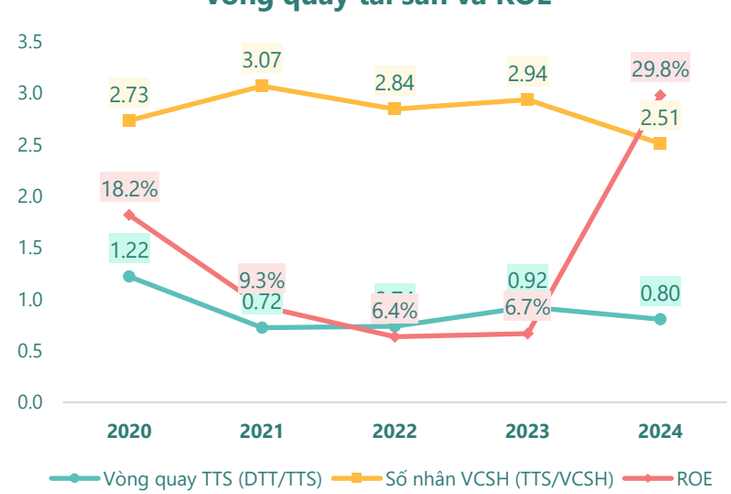
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



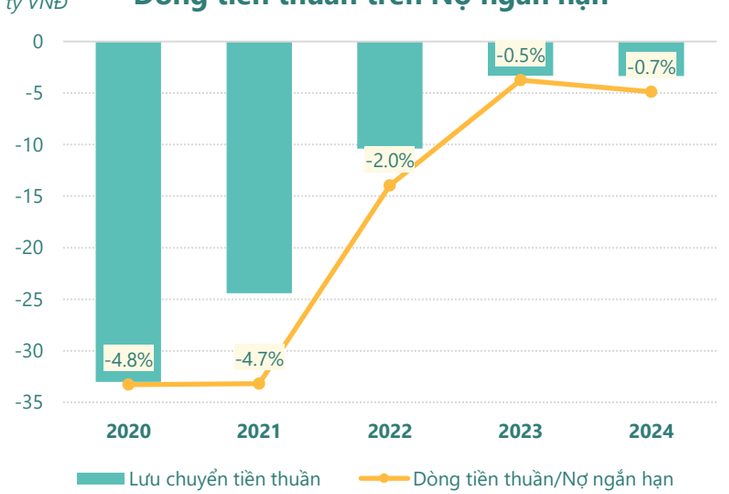
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**376**	**328**	**14.5%**	**637**	**503**	**26.5%**
Giá vốn hàng bán	338	281	20.1%	569	426	33.5%
Lợi nhuận gộp	38.0	47.0	-19.1%	67.9	77.2	-12.0%
Doanh thu HĐTC	0.84	1.40	-39.8%	2.03	1.71	18.6%
Chi phí TC	5.86	4.87	20.3%	12.4	10.2	21.2%
Chi phí lãi vay	5.42	3.67	47.7%	10.4	7.72	34.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	9.05	10.3	-12.1%	15.2	17.2	-11.3%
Chi phí QLDN	**13.8**	**17.4**	**-20.5%**	**27.8**	**31.5**	**-11.8%**
LN thuần từ HĐKD	10.1	15.8	-36.1%	14.5	20.0	-27.4%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**162**	**-100%**	**0.00**	**162**	**-100.0%**
LN trước thuế	10.1	178	-94.3%	14.5	182	-92.0%
Lợi nhuận sau thuế	**8.07**	**114**	**-92.9%**	**10.8**	**117**	**-90.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.07**	**114**	**-92.9%**	**10.8**	**117**	**-90.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	201	-194	-69.2	-7.29	-107	30.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-137	430	0.09	5.61	0.04	-5.85
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.49	-308	66.3	5.69	98.9	-24.2
Tiền đầu kỳ	33.1	99.6	28.5	25.6	29.7	21.5
Lưu chuyển tiền thuần	**66.5**	**-71.1**	**-2.80**	**4.01**	**-8.26**	**0.48**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.02	-0.07	0.08	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	99.6	28.5	25.6	29.7	21.5	21.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,198**	**1,209**	**-0.9%**
Tài sản ngắn hạn	632	549	15.1%
Tiền và tương đương tiền	21.9	29.7	-26.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	317	235	34.7%
Hàng tồn kho	262	250	4.6%
Tài sản ngắn hạn khác	31.4	33.9	-7.2%
Tài sản dài hạn	**566**	**660**	**-14.3%**
Phải thu dài hạn	0.24	97.8	-99.8%
Tài sản cố định	43.6	48.3	-9.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.08	2.07	340%
Đầu tư tài chính dài hạn	510	509	0.2%
Tài sản dài hạn khác	**3.05**	**3.12**	**-2.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	644	634	1.6%
Nợ ngắn hạn	**493**	**482**	**2.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	348	256	36.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	91.9	148	-38.0%
Nợ dài hạn	151	152	-0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.64	2.12	-22.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**554**	**575**	**-3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**554**	**575**	**-3.7%**
Vốn điều lệ	281	281	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)